



GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 10

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đoạn Sapô là: “ <i>Bằng chính sự gan góc, quyết tâm của cả dân tộc vì một nền Cộng hòa Dân chủ, quyền tự do, độc lập thật sự, Tuyên ngôn Độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam phải được tự do và độc lập; ‘nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập’.</i> ”	0,5
	2	- Thời gian: từ ngày 22-8-1945 đến ngày 31-8-1945. - Địa điểm: tại 48 Hàng Ngang (Hà Nội) và 12 Ngõ Quyền (trụ sở Chính phủ lâm thời).	0,5
	3	Tác dụng của việc trích dẫn lời Hồ Chí Minh: “<i>ta sẽ đọc không phải chỉ để đồng bào cả nước ta nghe, mà còn cho cả Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp, cho cả các nước đồng minh nghe</i>”: • Về nội dung: Khẳng định Tuyên ngôn Độc lập không chỉ dành cho nhân dân trong nước mà còn hướng ra quốc tế, nhằm khẳng định quyền độc lập chính đáng của dân tộc Việt Nam trước bạn bè năm châu. • Về nghệ thuật: Cách dẫn lời trực tiếp, ngắn gọn, giàu sức thuyết phục, cho thấy tầm nhìn chiến lược và trách nhiệm lịch sử của Hồ Chí Minh. • Về tình cảm, thái độ: Thể hiện niềm tự hào, ý thức trách nhiệm cao cả của Người trước vận mệnh dân tộc; đồng thời khẳng định giá trị lịch sử, chính trị to lớn của bản Tuyên ngôn.	1,0
	4	ĐỒNG TÌNH, vì: • <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> là văn kiện khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 2-9-1945), đánh dấu	1,0

		mốc son lịch sử trọng đại. - Về giá trị văn chương: đây là áng văn chính luận mẫu mực, lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, ngôn từ hùng hồn, thể hiện khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, xứng đáng được coi là “bất hủ”. <i>Học sinh bày tỏ quan điểm của mình nhưng cần phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật:</i> - Đồng tình/ Không đồng tình/ Vừa đồng tình vừa không đồng tình. - Lí giải: hợp lí, thuyết phục.	
	5	- Khái quát văn bản: Văn bản ghi lại quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh chuẩn bị và đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, văn kiện lịch sử trọng đại khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định quyền độc lập, tự do thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trước toàn thế giới. - Bài học: Từ văn bản, ta nhận ra thế hệ trẻ hôm nay cần trân trọng giá trị của độc lập, tự do và có trách nhiệm tiếp nối, gìn giữ, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh. - Lí giải: Bởi lẽ, độc lập là thành quả của bao thế hệ cha ông đã hy sinh giành lại bằng máu và niềm tin; tuổi trẻ hôm nay phải sống có lý tưởng, nỗ lực học tập, rèn luyện và cống hiến để xứng đáng với Tổ quốc mà Bác Hồ và nhân dân đã dựng xây.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do.” Lời dạy thiêng liêng ấy không chỉ nhắc nhở công lao to lớn của cha ông mà còn đặt ra trách nhiệm cho các thế hệ mai sau. Em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trong việc giữ gìn và phát huy giá trị độc lập – tự do của dân tộc.	2,0

	a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận:</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, phối hợp,...	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Trách nhiệm của thanh niên đối với giá trị độc lập – tự do.	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Mở đoạn: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: <i>Tại sao thế hệ trẻ hôm nay cần có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy độc lập – tự do?</i> Thân đoạn: (1) Giải thích: - “<i>Độc lập, tự do</i>”: quyền tự quyết của dân tộc, quyền sống, mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người. - <i>Ý nghĩa lời dạy:</i> khẳng định độc lập – tự do là thiêng liêng, là nền tảng của hạnh phúc và sự phát triển. (2) Bàn luận: <i>Tại sao trong khi đất nước đã giành được độc lập, tự do, thế hệ trẻ hôm nay vẫn cần ý thức rõ trách nhiệm gìn giữ và phát huy những giá trị thiêng liêng ấy?</i> - Thực trạng: • Đất nước đã độc lập, nhưng vẫn còn thách thức: nguy cơ xâm phạm chủ quyền, hội nhập toàn cầu đòi hỏi bản lĩnh. • Một bộ phận giới trẻ còn thờ ơ với lịch sử, sống ích kỷ, chưa ý thức rõ trách nhiệm công dân. - Trách nhiệm của thế hệ trẻ: • Trân trọng quá khứ, biết ơn sự hi sinh của cha ông. • Học tập, rèn luyện để xây dựng đất nước giàu mạnh. • Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập. • Bảo vệ chủ quyền, an ninh Tổ quốc bằng tinh thần cảnh giác và lòng yêu nước. (3) Phản đề, mở rộng: Phê phán một số người có lối sống vô cảm, lười biếng, chạy theo hưởng thụ, quên đi trách nhiệm đối với đất nước.	1,0

		(4) Bài học nhận thức và hành động: - Nhận thức: Độc lập – tự do không tự nhiên mà có, đó là máu xương của cha ông. - Hành động: Thanh niên cần sống có lý tưởng, biết cống hiến, không ngừng học tập và lan tỏa tinh thần yêu nước. Kết đoạn: - Khẳng định lại vấn đề: Thế hệ trẻ là người tiếp nối, có trách nhiệm gìn giữ và phát huy giá trị độc lập – tự do. - Gửi gắm thông điệp: Chỉ khi mỗi người trẻ sống xứng đáng, đất nước mới thật sự vững bền và tự do mới trường tồn. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,5 điểm – 0,75 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Đọc đoạn thơ sau “Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây” (“Nhớ” – Nguyễn Đình Thi) Bằng một bài nghị luận (khoảng 400 chữ) hãy phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “ngôi sao” và “ngọn lửa” trong đoạn trích trên.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	0,5

	Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận, thân bài triển khai vấn đề nghị luận, kết bài khái quát lại vấn đề.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i> Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “ngôi sao” và “ngọn lửa”.	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề nghị luận, nêu rõ lý do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: Luận điểm 1: Thiên nhiên hiện lên lung linh, huyền ảo, gợi nỗi nhớ thương. Câu thơ “Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh/ Soi sáng đường chiến sĩ giữa đêm mây” đã nhân hóa ngôi sao thành hình ảnh biết “nhớ ai”, biết sẻ chia. Ngôi sao vừa đẹp lung linh, vừa như bạn đồng hành, soi sáng con đường hành quân của người lính, gợi tình cảm gắn bó giữa thiên nhiên và con người. Luận điểm 2: Hình ảnh ngọn lửa mang ý nghĩa sưởi ấm, chở che. Câu thơ “Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh/ Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây” cũng dùng phép nhân hóa, khiến ngọn lửa như có tâm hồn, có tình yêu. Ngọn lửa ấy không chỉ xua tan cái lạnh giá của núi rừng mà còn sưởi ấm tâm hồn người lính bằng tình cảm yêu thương, nhớ nhung. Luận điểm 3: Thiên nhiên trở thành biểu tượng của tình yêu đôi lứa trong chiến tranh. Ngôi sao và ngọn lửa vừa là cảnh vật thiên nhiên, vừa là biểu tượng của tình yêu. Tình yêu ấy trong sáng, lặng lẽ, luôn hiện diện và tiếp thêm sức mạnh cho người lính vượt qua gian khổ. Tình yêu hòa quyện cùng tình yêu Tổ quốc, trở thành điểm tựa tinh thần vững chắc. Luận điểm 4: Vẻ đẹp của tình yêu trong thời chiến.	2,5

	Qua đoạn thơ, tình yêu đôi lứa không tách rời cuộc chiến mà gắn liền với lí tưởng cách mạng. Đó là tình yêu trong sáng, thủy chung, biết hi sinh cái riêng để gắn bó với cái chung, góp phần làm đẹp thêm tâm hồn người lính và tô sáng thêm ý nghĩa của kháng chiến. Ý nghĩa chung: Đoạn thơ vừa ngợi ca thiên nhiên Việt Nam trong kháng chiến, vừa tôn vinh tình yêu đôi lứa trong sáng, lãng mạn, gắn liền với tình yêu Tổ quốc. Thiên nhiên trở thành nhịp cầu nối, bồi đắp sức mạnh tinh thần cho người lính. Kết luận: Với giọng thơ tha thiết, hình ảnh giàu chất lãng mạn, Nguyễn Đình Thi đã làm nổi bật vẻ đẹp của tình yêu trong thời chiến – trong sáng, thủy chung và gắn liền với lí tưởng lớn lao. Đoạn thơ gợi cho ta niềm tự hào và sự trân trọng những tình cảm cao đẹp trong những năm tháng kháng chiến hào hùng. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 2,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10 điểm		